HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20 /2022/NQ-HĐND	*Quảng Nam, ngày 20 tháng 7 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA X , KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030;

Xét Tờ trình số 4072/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Báo cáo thẩm tra số 85/BC-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung, mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030 và các dự án phát triển sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) có chức năng, nhiệm vụ quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Nội dung do ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí, hỗ trợ một phần kinh phí đối với giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản chủ lực quốc gia

1. Nhóm dự án được hỗ trợ

a) Các dự án phát triển sản xuất giống do các sở, ngành thuộc tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện.

b) Các dự án phát triển sản xuất giống do cấp huyện quản lý và tổ chức thực hiện.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Ngân sách hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung nêu tại điểm 1.1 khoản 1 Điều 5 Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030.

b) Ngân sách hỗ trợ một phần chi phí sản xuất giống thực hiện các nội dung nêu tại điểm 1.2 khoản 1 Điều 5 Thông tư số 107/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 3. Nội dung do ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí, hỗ trợ một phần kinh phí đối với giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác

Căn cứ yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn cụ thể, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định lựa chọn các giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác để hỗ trợ nhằm đạt mục tiêu của Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030.

Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này với tỷ lệ hỗ trợ bằng 70% mức đảm bảo và hỗ trợ kinh phí tương ứng từng nội dung.

Điều 4. Một số nội dung và mức chi cụ thể

1. Hỗ trợ sản xuất giống: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí nhân công để sản xuất giống, trong đó hệ số tiền công ngày lao động hỗ trợ sản xuất giống được xác định như sau:

a) Hệ số tiền công ngày lao động kỹ thuật: 0,34.

b) Hệ số tiền công ngày lao động phổ thông: 0,17.

2. Đào tạo tập huấn quy trình công nghệ nhân giống trong nước cho các đơn vị, tổ chức và cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện dự án

a) Tiền công biên soạn: Thực hiện theo hệ số tiền công ngày quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 45/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, với mức lương cơ sở hiện hành và số ngày công của từng thành viên tham gia biên soạn.

b) Mức chi thù lao giảng viên, trợ giảng và hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 52/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

c) Mức chi phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng: Thực hiện theo mức chi phụ cấp lưu trú quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và Quyết định số 3407/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

d) Mức chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng: Trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên mà phải đi thuê thì được thanh toán chi phí đưa, đón theo thực tế và thanh toán theo hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan; chi phí bố trí nơi ở theo mức chi tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 3407/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Đối với học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tiền ăn theo mức chi hỗ trợ tiền ăn hội nghị quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 3407/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Đối với chỗ ở cho người học, trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% mức chi tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 3407/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Kiểm soát chất lượng giống: Ngân sách hỗ trợ 100% chi phí kiểm nghiệm, kiểm định, chứng nhận chất lượng giống, giám định vi rút, xét nghiệm, kiểm dịch, kiểm soát bệnh.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách địa phương (chi các hoạt động kinh tế) theo phân cấp ngân sách hiện hành và cơ chế hỗ trợ từ ngân sách tỉnh như sau:

a) Các huyện, thị xã, thành phố tự cân đối ngân sách: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 30%, ngân sách cấp huyện (bao gồm cấp xã) đảm bảo 70%.

b) Các huyện thuộc khu vực đồng bằng (trừ các địa phương tự cân đối ngân sách): Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%, ngân sách cấp huyện (bao gồm cấp xã) đảm bảo 50%.

c) Các huyện thuộc khu vực miền núi: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70%, ngân sách cấp huyện (bao gồm cấp xã) đảm bảo 30%.

2. Nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dự án (nếu có).

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

b) Ban hành danh mục các giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác tại địa phương đảm bảo phù hợp yêu cầu thực tiễn theo từng giai đoạn, phấn đấu thực hiện đạt mục tiêu của Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030.

c) Quyết định số lượng thành viên và ngày công tham gia biên soạn đối với mỗi thành viên nêu tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này đảm bảo hiệu quả, phù hợp quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Những nội dung khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 107/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022./.

Nơi nhận:
- UBTVQH;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBTVQH;
- Bộ NN&PTNN;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Phan Việt Cường